

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 3 (BUỔI 1) – MS.YEN

I. Read and circle (1 điểm)

1.  princess cook sister	2 .  mouse monkey tiger	3.  bell clock climb	4  Swing Sing Ring
--	---	--	---

II. Write the correct words with the picture (1.25 điểm)

dress grapes boy cook flower



1,..... 2, 3, 4, 5.....

III .Circle the odd-one-out. (Khoanh tròn từ mang nghĩa khác loại). (1.25 điểm)

- 1 A. socks B. shorts C . kitchen D. coat
- 2 A. sheep B. dress C. T-shirt D. pants
- 3 A. fish B. shoes C. lion D. goat
- 4 A. living room B. hat C. bedroom D. bathroom
- 5 A. house B. apartment C. chair D. dining room

IV. Count and write. (Đếm và viết) (1 điểm)

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 11. seven + eight = _____ | 6. Seventeen + three= _____ |
| 2. eighteen – six = _____ | 7. Eight + Ten= _____ |
| 3. Twenty – five= _____ | 8. Twelve – six= _____ |
| 4. Eight + Eight= _____ | 9. Eleven+ seven= _____ |
| 5. Three+ ten= _____ | 10. Fourteen – Nine= _____ |

V. Complete the sentences and translate in to Vietnamese. (4 điểm)

1/ is / my / ball. /red /This

-> _____

2/ Where / the/ are/ lions?

-> _____

3/ How old / you?/are

-> _____

4/ he/ Is / a policeman?

-> _____

5/ mom/ My / is / a nurse.

-> _____

6/ His name / Tom. / is

-> _____

7/ are / These / my hands.

-> _____

8/ table? / What's /on /the

-> _____

9/ The slide /under / is /the tree.

-> _____

10/ tiger/ The / is / on/the sofa.

-> _____

11/ is /in / the tree. / The bike

-> _____

12/ is / The teddy bear/ under /the slide.

-> _____

13/ the seesaw. / is / on / The doll

-> _____

14/ The ball /on / is / the goal.

-> _____

15/ is / This / Billy's / ice cream.

-> _____

16/ My grandpa / a / is / doctor.

-> _____

17/ the ball / Is / under / the table?

-> _____

18/ What color / the umbrella / is?

-> _____

19/ she / Is / a / pilot?

-> _____

20/ you / Do / like / cookies?

-> _____

VI. Write. (viết.) (1 điểm)

Is Billy in the bedroom? Yes, he is.

_____ Are they in the bath room? No, they _____.

_____ Tom and Tim in the dining room.? Yes, they _____.

_____ the baby in the bathroom? Yes, she _____.

_____ Mom in the kitchen? No, she _____.

VII. Write the word . (Viết từ .) (1 điểm)

1. _____ (c l e r i c) hình tròn

2. _____ (o a c t) áo khoác

3. _____ (g p i) con heo

4. _____ (t g r e i) con cạp

1. _____ (b r z e a) con ngựa vằn

2. _____ (r f e f a g i s) con hươu cao cổ

3. _____ (o s e u h) căn nhà

4. _____ (l o n i) con sư tử